

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20-09-2024

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa:** Ông Danh Hoàng

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Trần Văn Tám  
2. Ông Lê Hoàng Vũ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:** Ông Huỳnh Hải Đăng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Huỳnh N, sinh năm 1995 (Có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Trương Trí H, sinh năm 1997 (Vắng mặt).

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Đào Thị Hằng, sinh năm 1966 (Mẹ anh H – Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Minh Thành A, xã Minh T, huyện U Minh Th, tỉnh Kiên

G.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 02 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đỗ Huỳnh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đỗ Huỳnh N và anh Trương Trí H (*Sau đây gọi tắt là chị N, anh H*) quen biết do mai mối và sau một thời gian tìm hiểu cả hai tự

nguyện tiến đến hôn nhân năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 18/02/2019. Vợ chồng chị N, anh H chung sống hạnh phúc được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, không hợp. Anh H không lo làm ăn, chăm sóc vợ, con mà hàng ngày tụ tập bạn bè uống rượu, gia trưởng trong gia đình, mỗi lần uống rượu về nhà kiểm chuyện chửi mắng chị N. Anh H còn ghen tuông vô cớ và nhiều lần dùng bạo lực đối với chị N; anh H tự quản lý tiền tiêu xài riêng, bỏ mặc vợ và con không quan tâm. Nhiều lần chị N, anh H hàn gắn nhưng anh không thay đổi, nên sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, chị N yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N, anh H có 01 người con chung Trương Quốc Hiển, sinh ngày 17/11/2014, giới tính nam, hiện con đang sống với anh H. Vợ chồng ly hôn chị N giao con chung Trương Quốc Hiển cho anh H nuôi dưỡng. Chị N không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị N, anh H không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn anh Trương Trí H biết về yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh H vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Hằng (Mẹ anh H). Hiện con chung của chị N, anh H là cháu Trương Quốc Hiển (Cháu nội bà Hằng) đang sống chung với bà Hằng, cùng với anh H.

#### **Tại phiên tòa:**

Nguyên đơn chị N kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh H, do vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay không còn quan tâm đến nhau, mỗi người sống một nơi; vợ chồng chị N, anh H có 01 người con chung Trương Quốc Hiển, theo nguyện vọng của con thì muốn sống với chị N khi cha mẹ ly hôn. Chị N đồng ý nuôi con chung Trương Quốc Hiển, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; chia tài sản chung chị N xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng phát biểu quan điểm:**

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện, chấp hành đúng các

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị N được ly hôn với anh H; về con chung cháu Trương Quốc Hiền, sinh ngày 17/11/2014 và tại bản tự khai ngày 11/7/2024 cháu Hiền có nguyện vọng được sống với chị N khi cha mẹ ly hôn, nên giao con chung Trương Quốc Hiền cho chị N nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu; chia tài sản chung không có nên miễn xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa HĐXX nhận định:

[1]. Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung của vợ chồng chị N, anh H. Bị đơn anh H có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trương Trí H được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[3]. Về tham gia tố tụng: Cháu Trương Quốc Hiền con chung của chị N, anh H. Cháu Hiền đang sống chung với anh H, nhưng anh thường xuyên đi làm thuê để lại cháu Hiền cho bà Đào Thị Hằng (Bà nội của cháu Hiền) chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, Tòa án Thông báo và đưa bà Hằng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị N, anh H quen biết do mai mối, tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới năm 2013 và có đăng ký kết hôn trễ hạn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 18/02/2019 nên hôn nhân của chị N, anh H là hợp pháp. Lý do chị N yêu cầu ly hôn do vợ chồng bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, tính tình không hợp. Anh H không lo làm ăn mà thường tụ tập bạn bè uống rượu, mỗi khi say rượu về nhà thể hiện tính gia trưởng, ghen tuông. Từ đó, anh H nhiều lần dùng bạo lực đối với chị N. Vợ chồng chị N, anh H nhiều lần hàn gắn nhưng

không thành nên tự ly thân từ năm 2019 đến nay và tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh H cũng được chính quyền địa phương xác nhận là đúng.

Tại phiên tòa, HĐXX đã phân tích động viên, hàn gắn nhưng chị N kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh H. Mâu thuẫn giữa chị N và anh H xảy ra trong thời gian dài và sống ly thân từ năm 2019 đến nay đã hơn 04 năm, cả hai không có phương cách hàn gắn, mà bỏ mặc để mâu thuẫn kéo dài, mỗi người sống một nơi, không quan tâm nhau. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N, anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh H là có cơ sở để HĐXX chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thống nhất cho chị N được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị N, anh H có 01 người con chung Trương Quốc Hiển đang sống với anh H, sống chung nhà với bà Đào Thị Hằng (Bà nội của cháu Hiển). Tại bản tự khai ngày 11/7/2024 cháu Hiển có nguyện vọng được sống với chị N khi cha mẹ ly hôn và tại phiên tòa chị N yêu cầu được nuôi con chung Hiển, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. HĐXX nhận thấy, mặc dù cháu Hiển đang sống với anh H nhưng anh thường xuyên đi làm, để cháu Hiển ở nhà cho bà Hằng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị N mỗi tháng đều có gửi tiền cho bà Hằng từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ để bà Hằng nuôi cháu Hiển. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu H, Tòa án nhiều lần triệu tập bà Hằng và đưa bà Hằng vào tham gia tố tụng nhưng bà không đến Tòa án. Xét về điều kiện nuôi con của chị N, anh H là ngang nhau, nhưng cháu Hiển sinh ngày 17/11/2014 đến nay đã hơn 09 tuổi, cháu có nguyện vọng được sống với chị N khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX thống nhất giao cháu Hiển cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, đúng với nguyện vọng của cháu Hiển là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu.

Về chia tài sản chung: Chị Như, anh Hiếu không có tài sản chung và nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX miễn xét.

Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng là có căn cứ, nên HĐXX chấp nhận.

[5]. Về án phí ly hôn: Chị N phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Huỳnh N được ly hôn với anh Trương Trí H.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Quốc Hiên, sinh ngày 17/11/2014, giới tính nam cho chị Đỗ Huỳnh N trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Trương Trí H và bà Đào Thị Hằng (Bà nội của cháu Hiên) có nghĩa vụ giao cháu Trương Quốc Hiên cho chị Đỗ Huỳnh N nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Trí H có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Chị N, anh H không có tài sản chung, nợ chung và cũng không ai nợ anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn: Chị Đỗ Huỳnh N phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000621 ngày 15/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự, sửa đổi bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*(Đã đóng dấu, ký tên)*

**Danh Hoàng**